

Số: 75/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà Mai Thị Lý
- *Thư ký phiên họp:* Ông Trần Đình Tú – Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá tham gia phiên họp:* Bà Trịnh Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2025 về việc: “*Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp*”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2025 gồm những người tham gia phiên họp sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đàm Thị T, sinh năm 1968
2. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973

Cùng nơi thường trú: SN 34/102 đường Đ, P.H, tỉnh Thanh Hóa.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ: Đường N, P.H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T1 – chủ tịch UBND phường

Tại phiên họp vắng mặt chị Đàm Thị T, anh Nguyễn Hữu L và đại diện theo pháp luật của UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá (các bên đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ;

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại bản tự khai chị Đàm Thị T, anh Nguyễn Hữu L trình bày:

Ngày 03/7/1989 chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Hữu L đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa), theo giấy chứng nhận số 15/1989 ngày 03/7/1989.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn, do sơ xuất chị T đã kê khai chị tên là Đàm Thị T, sinh tháng 4 năm 1968 và anh L kê khai anh tên là Nguyễn Hữu L, sinh tháng 03/1969. Thực tế chị là Đàm Thị T, sinh ngày 10/10/1968, anh Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/01/1973. Thời điểm đăng ký kết hôn anh Nguyễn Hữu L chưa đủ 18 tuổi. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 anh L chưa đủ tuổi kết hôn. UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) đã căn cứ vào thủ tục khai báo của chị Đàm Thị T, sinh tháng 4/1968 và anh Nguyễn Hữu L, sinh tháng 03/1969 để cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Hữu L vào ngày 03/7/1989.

Do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Nguyễn Hữu L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; vì vậy vợ chồng anh L, chị T thống nhất đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá huỷ việc kết hôn trái pháp luật mà UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) đã cấp ngày 03/7/1989 cho vợ chồng anh, chị và đề nghị Toà án công nhận hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Người đại diện theo pháp luật của UBND phường H trình bày:

Tại sổ đăng ký kết hôn số 01/1989 của UBND phường Đ, thành phố T (nay là UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá) thể hiện anh Nguyễn Hữu L, sinh tháng 03/1969 và chị Đàm Thị T, sinh tháng 4/1968 đã được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho công dân số 15/1989 ngày 03/7/1989. Nay anh L, chị T yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi kết hôn.

Anh L, chị T đề nghị huỷ việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ vì: Khi đi đăng ký kết hôn do sơ xuất anh Nguyễn Hữu L đã kê khai anh sinh tháng 03/1969. Thực tế giấy khai sinh, căn cước công dân và các giấy tờ khác của anh là Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Nguyễn Hữu L mới hơn 16 tuổi. Theo Luật hôn nhân và gia đình thì anh Nguyễn Hữu L chưa đủ tuổi kết hôn.

Nay chị T, anh L đề nghị Toà án khu vực 1 - Thanh Hoá huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh chị là có căn cứ. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết chấp nhận; Tuy nhiên UBND phường Đ, thành phố T (nay là UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá) không có lỗi trong việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T. Đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết việc dân sự, anh L, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án huỷ kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1989 ngày 03/7/1989 và đề nghị Toà án công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm g khoản 2 Điều 39. Điểm d khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 15 của Bộ luật dân sự.

Điều 5; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 2 Điều 4 TSLT số 01/2016/TSLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T về việc huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp.

-Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Ngày 03/7/1989, anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T đến UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) để thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh L, chị T đều có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa); tuy nhiên anh L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay anh L, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm g khoản 2 Điều 39; Điểm d khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T và Đại diện theo pháp luật của UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; Tuy nhiên anh L, chị T và người đại diện theo pháp luật của UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá đều có đơn xin vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá tiến hành giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Chị Đàm Thị T, sinh ngày 10/10/1968, anh Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/01/1973 có quan hệ tình cảm trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ngày 03/7/1989 anh L, chị T đến UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) để làm thủ tục kê khai đăng ký kết hôn. Do tại

thời điểm kết hôn anh L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; tuy nhiên, anh L đã kê khai anh tên là Nguyễn Hữu L, sinh tháng 03/1969 (không đúng so với ngày, tháng, năm sinh thực tế của anh) nên đã được UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/1989 ngày 03/7/1989 cho anh Nguyễn Hữu L và chị Đàm Thị T.

Tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định về điều kiện kết hôn: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Như vậy tại thời điểm anh L, chị T đi đăng ký kết hôn anh L mới được 16 tuổi 06 tháng 02 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn. Như vậy đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; tuy nhiên, việc kết hôn trái pháp luật này là do lỗi của anh L, chị T khi đi đăng ký kết hôn anh chị đã khai báo ngày, tháng, năm sinh không đúng nên UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn sai cho anh, chị.

Nay anh L, chị T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh, chị là hợp pháp và có căn cứ theo quy định tại Điều 369; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 5; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Điểm a khoản 2 Điều 4 TTTT số 01/2016/TTT-TANDT- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Do đó cần huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp giữa anh Nguyễn Hữu L và chị Đàm Thị T kể từ thời điểm anh L, chị T đủ điều kiện kết hôn là phù hợp.

-Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điểm b khoản 2 Điều 35; Điểm g khoản 2 Điều 39; Điểm d khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 15 của Bộ luật dân sự;

Điều 5; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 2 Điều 4 TTTT số 01/2016/TTT-TANDT-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu L, chị Đàm Thị T về việc: “Yêu cầu Huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp”.

1. *Về hôn nhân*: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Hữu L với chị Đàm Thị T. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1989 ngày 03/7/1989 do UBND phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa) cấp.

Công nhận hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu L, sinh ngày 01/01/1973 và chị Đàm Thị T, sinh ngày 10/10/1968 là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 01/01/1991.

2. *Về lệ phí*: Chị Đàm Thị T, anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu số 0002402 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Chị T, anh L đã nộp đủ tiền lệ phí

3. Chị Đàm Thị T, anh Nguyễn Hữu L và UBND phường H, tỉnh Thanh Hoá có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 1-Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND P.H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Mai Thị Lý